TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/DS-ST
Ngày: 26-3-2025
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Khanh

2. Bà La Thị Thu Nga

Thư ký phiên tòa*:* Ông Bùi Văn Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 390/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2025 và quyết định hoãn phiên toà số 13/2025/QĐST-DS ngày 04/3/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Mỹ X, sinh năm: 1967; Địa chỉ: Tổ 4, ấp Bàu Chiên, xã Tân Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Thân Đức L, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Ấp Nhân Trung, xã Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Bà Hồ Thị Mỹ X và ông Thân Đức L là chỗ quen biết, thỉnh thoảng ông L cần tiền để xoay sở công việc thì ông L có hỏi bà X để vay một số tiền. Những lần vay mượn tiền trước đây ông L đều trả đầy đủ và đúng hẹn. Ngày 11/12/2023, ông L có nhờ bà X đứng ra vay dùm cho ông L số tiền là 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng), mục đích vay tiền là để ông L đáo hạn ngân hàng. Do bà X thường đứng ra giới thiệu cho các bên vay tiền và giữa bà X và ông L là chỗ quen biết làm ăn đó giờ nên bà X đồng ý và đã đi mượn tiền cho ông L vay lại với số tiền là 1.500.000.000đ.

Khi ông L nhờ bà X đứng ra vay tiền ông L có viết giấy tay cho bà X, giấy do ông L trực tiếp viết và ký tên. Theo như giấy tay nhờ vay tiền của ông L thì ông L hẹn bà X đến ngày 10/01/2024 sẽ hoàn trả lại số tiền 1.500.000.000đ cho bà X. Sau khi bà X vay được tiền theo như yêu cầu của ông L thì bà X đã đưa toàn bộ số tiền

1.500.000.000đ cho ông L vay lại, khi đến hẹn trả tiền, bà X đã nhiều lần gặp ông L để yêu cầu ông L trả nợ nhưng ông L hẹn tới hẹn lui không trả, trong khi bà X phải đứng ra xoay tiền để trả tiền lãi cho chủ nợ của bà X. Tại các tin nhắn và các cuộc gọi điện thoại giữa bà X và ông L thì ông L đều hứa hẹn cho ông L một thời gian để trả nợ, nhưng cho đến nay ông L vẫn không trả nợ cho bà X hơn nữa ông L còn cố tình bỏ đi khỏi địa phương mà không chịu trả tiền cho bà X. Đến nay, chủ nợ của bà X đã khởi kiện bà X tại Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc để yêu cầu bà X phải trả nợ còn ông L thì vẫn chưa trả nợ cho bà X.

Như vậy, tính tới thời điểm hôm nay ông L còn nợ bà X số tiền là 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng). Nay bà X yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thân Đức L phải trả cho bà X số tiền nợ gốc là 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng); bà X không yêu cầu ông L phải trả lãi suất.

Bị đơn ông Thân Đức L: Tại biên bản xác minh ngày 26-12-2024 của Tòa án, kết quả xác minh ông Thân Đức L trước đây có sinh sống cùng vợ con tại địa chỉ ấp Nhân Trung, xã Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Hiện nay ông L đã đi nơi khác sinh sống khoảng 10 tháng nay, địa phương không biết ông L hiện đang sinh sống ở địa chỉ nào vì khi đi ông L không thông báo về địa chỉ nơi cư trú mới với chính quyền địa phương. Hiện nay vợ con ông L vẫn đang thường xuyên sinh sống tại căn nhà trước kia ông L sinh sống tại địa chỉ ấp Nhân Trung, xã Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ông Thân Đức L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa tuy nhiên ông L vắng mặt không có lý do cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Mỹ X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ: Ấp Nhân Trung, xã Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, do đó, theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Về sự vắng mặt của đương sự: Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự cho bị đơn là ông Thân Đức L. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông Thân Đức L đều vắng mặt; tại phiên tòa ông L vắng mặt lần thứ 2 không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Sự vắng mặt của Kiểm sát viên: Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có văn bản thông báo không tham gia phiên toà với lý do vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung: Bà Hồ Thị Mỹ X yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thân Đức L phải trả cho bà X số tiền là 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng); bà X không yêu cầu lãi suất. Bà X đã cung cấp cho Toà án giấy tay ngày 11/12/2023 do ông Thân Đức L kí tên nhờ bà X vay số tiền là 1.500.000.000đ, thời hạn trả nợ là ngày 10/01/2024; bà X cũng đã cung cấp cho Toà án vi bằng số 04/2025/VB-TPLBRVT ngày 07/01/2025, nội dung của vi bằng là những tin nhắn bà X cho rằng là giữa bà X và ông L trao đổi về số tiền ông L nợ bà X. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà X và cũng không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ chứng minh về việc đã thanh toán số tiền trên cho bà X mặc dù ông L đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về nội dung vụ án và hiện tại vợ con ông L vẫn đang sinh sống tại địa phương; do đó căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Như vậy việc ông L vay bà X số tiền 1.500.000.000đ là có thật, đến hạn trả nợ là ngày 10/01/2024 ông L không trả số tiền còn thiếu cho bà X nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X, buộc ông L phải có nghĩa vụ trả cho bà X số tiền đã vay là 1.500.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Hồ Thị Mỹ X được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Thân Đức L phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000đ + 3% x 700.000.000đ = 57.000.000đ (năm mươi bảy triệu đồng).

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Mỹ X về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Thân Đức L. Buộc ông Thân Đức L phải có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị Mỹ X số tiền là 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Ông Thân Đức L phải nộp 57.000.000đ (năm mươi bảy triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TA Tỉnh;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- THADS huyện Xuyên Mộc;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thu Hiền